

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**  
(Bachelor program specification)  
**NGÀNH TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHĐT, ngày /5/2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

**Đồng Tháp, tháng 3 năm 2023**



## MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	1
1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng .....	1
2. Một số thông tin về chương trình đào tạo .....	1
3. Mục tiêu đào tạo .....	1
5. Điều kiện nhập học .....	2
6. Điều kiện tốt nghiệp .....	2
7. Cơ hội việc làm .....	3
8. Thời điểm phát hành bản mô tả: .....	3
9. Nơi phát hành: Trường Đại học Đồng Tháp .....	3
PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 134, trong đó: .....	5
1..... Khung chương trình đào tạo chi tiết	5
2.....Ma trận các học phần hình thành năng lực	9
4. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy .....	14
5. Cách thức đánh giá kết quả học tập.....	14
6. Điều kiện thực hiện chương trình.....	Error! Bookmark not defined.
6.1. Nội dung chương trình và tiến độ thực hiện.....	Error! Bookmark not defined.
6.2. Đề cương chi tiết các học phần .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.1. Tiếng Anh 1 .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.2 Tiếng Anh 2.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.3. Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.4. Công tác quốc phòng, an ninh .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.5. Quân sự chung .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.6. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.7. Giáo dục thể chất 1 .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.8. Giáo dục thể chất 2 - Bơi.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.9. Bóng đá.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.10. Bóng chuyền.....	Error! Bookmark not defined.

6.2.11. Cầu lông.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.12. Võ thuật Vovinam .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.13. Võ thuật Karatedo.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.14. Cờ vua.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.15. Bóng bàn.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.16. Bóng ném.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.17. Bóng rổ .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.18. Quần vợt .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.19. Đá cầu.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.20. Triết học Mác - Lênin .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.21. Kinh tế chính trị Mác - Lênin .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.22. Tư tưởng Hồ Chí Minh.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.23. Chủ nghĩa xã hội khoa học .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.24. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.25. Pháp luật Việt Nam đại cương.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.26. Phương pháp học tập ngành Tâm lý học giáo dục.....	Error! Bookmark not defined.
not defined.	
6.2.27. Nhân học đại cương.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.28. Cơ sở văn hóa Việt Nam .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.29. Logic học đại cương .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.30. Dân tộc học ứng dụng trong giáo dục....	Error! Bookmark not defined.
6.2.31. Mỹ học đại cương.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.32. Tiếng Việt thực hành .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.33. Sinh lý thần kinh cấp cao.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.34. Lịch sử Tâm lý học và Giáo dục học.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.35. Giáo dục học đại cương .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.36. Tâm lý học đại cương .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.37. Tâm lý học phát triển.....	Error! Bookmark not defined.
6.2.38. Phương pháp nghiên cứu khoa học .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.39. Giáo dục học mầm non .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.40. Giáo dục học phổ thông .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.41. Tâm bệnh học .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.42. Nhập môn công nghệ giáo dục .....	Error! Bookmark not defined.
6.2.43. Xã hội học giáo dục.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>

- 6.2.44. Kinh tế học giáo dục.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.45. Kỹ năng tư duy phản biện và tư duy sáng tạo .....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.46. Đánh giá trong giáo dục .....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.47. Giáo dục cộng đồng.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.48. Tâm lý học lao động.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.49. Kỹ năng tạo động lực làm việc.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.50. Kỹ năng thương thuyết.....Error! Bookmark not defined.
- CHƯƠNG 3: TRỞ NGẠI TẠO RA THỂ CĂNG THẲNG TRONG THƯỜNG THUYẾT VÀ SÁCH LƯỢC PHÁ THỂ CĂNG THẲNG..... Error! Bookmark not defined.**
- 6.2.51. Tâm lý học nhân cách.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.52. Tâm lý học xã hội.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.53. Tâm lý học giao tiếp.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.54. Tâm lý học giáo dục .....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.55. Đo lường và chẩn đoán trong Tâm lý học .....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.56. Các kỹ năng tham vấn tâm lý căn bản...Error! Bookmark not defined.
- 6.2.57. Khoa học quản lý hành vi học sinh .....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.58. Giáo dục gia đình .....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.59. Giáo dục giá trị và kỹ năng sống.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.60. Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên .....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.61. Phương pháp nghiên cứu Khoa học Tâm lý học giáo dục.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.62. Thống kê trong nghiên cứu khoa học.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.63. Tâm lý học trí tuệ .....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.64. Lý luận dạy học Tâm lý học .....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.65. Lý luận dạy học Giáo dục học.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.66. Ứng dụng CNTT trong dạy học Tâm lý học, Giáo dục học.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.67. Tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường PT .....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.68. Giáo dục chuyên biệt.....Error! Bookmark not defined.
- 6.2.69. Tâm lý học lâm sàng .....Error! Bookmark not defined.

6.2.70. Các khó khăn tâm lý của học sinh và một số biện pháp can thiệp  
Error! Bookmark not defined.

6.2.71. Tham vấn tâm lý học đường.....Error! Bookmark not defined.

6.2.72. Tham vấn hôn nhân và gia đình .....Error! Bookmark not defined.

6.2.73. Tham vấn rối nhiễu tâm lý trong xã hội hiện đại.....Error! Bookmark not defined.

6.2.74. Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học giáo dục...Error! Bookmark not defined.

6.3. Cơ sở vật chất phục vụ dạy học..... **15**

7. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo ..... **15**

PHẦN PHỤ LỤC ..... **Error! Bookmark not defined.**

Phụ lục 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy chương trình.....**Error! Bookmark not defined.**

Phụ lục 2 - Thông tin chi tiết về giảng viên tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo ..... **Error! Bookmark not defined.**

Phụ lục 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo..... 16

Phụ lục 4. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập..... 18

## PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Tháp
- Đơn vị đào tạo: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội

### 2. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành: Tâm lý học giáo dục  
Tiếng Việt: Tâm lý học giáo dục  
Tiếng Anh: Educational Psychology
- Mã số ngành đào tạo: 7310403
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Tâm lý học giáo dục
- Thông tin về kiểm định chất lượng:

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo Tâm lý học giáo dục (trình độ đại học) của các cơ sở sau: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, Trường Đại học Quy Nhơn, Học viện Quản lý giáo dục.

### 3. Mục tiêu đào tạo

#### 3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học giáo dục có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp cao đẹp, có lý tưởng nghề nghiệp trong sáng, được trang bị kiến thức cốt lõi của khoa học xã hội - nhân văn, kiến thức cơ sở ngành, liên ngành và chuyên ngành Tâm lý học giáo dục mang tính toàn diện, khai phóng, đa dạng và tạo điều kiện thuận lợi để thực hành nghiệp vụ về tâm lý học trong môi trường giáo dục. Từ đó, hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp theo triết lý “Kiến tạo – Chuyên nghiệp – Hội nhập” để đáp ứng các yêu cầu về tâm lý học trong thực tiễn của lĩnh vực giáo dục cũng như các lĩnh vực nghề nghiệp khác có liên quan, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và thích ứng tốt với sự biến đổi của môi trường xã hội hiện đại.

#### 3.2. Mục tiêu cụ thể

Ngành Tâm lý học giáo dục sẽ hướng đến việc hiện thực hoá những mục tiêu cụ thể cho các cử nhân như sau:

3.2.1. Có sức khỏe tốt, trình độ lý luận chính trị vững vàng, kiến thức quốc phòng - an ninh căn bản để đáp ứng công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

3.2.2. Có kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành Tâm lý học giáo dục để áp dụng, vận dụng vào việc phát hiện và giải quyết các vấn đề tâm lý nảy sinh trong lĩnh vực giáo dục.

3.2.3. Có kỹ năng sử dụng các công cụ Tâm lý học để đánh giá, chẩn đoán các hiện tượng tâm lý, có kỹ năng tư vấn, tham vấn, can thiệp về các vấn đề tâm lý ở mức độ căn bản của cá nhân và nhóm trong lĩnh vực giáo dục.

3.2.4. Có kỹ năng phát hiện vấn đề tâm lý nảy sinh trong lĩnh vực giáo dục và tiến hành sử dụng các phương pháp nghiên cứu tâm lý học đạt hiệu quả cao trong lĩnh vực giáo dục.

3.2.5. Có năng lực ngoại ngữ và năng lực sử dụng công nghệ thông tin vào giải quyết các nhiệm vụ học tập và nghề nghiệp, đồng thời ứng dụng ngoại ngữ và tin học vào quá trình nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực nghề nghiệp.

3.2.6. Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu theo hướng độc lập – kiến tạo – chuyên nghiệp và hội nhập; có tác phong, tinh thần làm việc hướng vào nâng cao chất lượng – sáng tạo – hợp tác – trách nhiệm và thân thiện; có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thực tiễn của lĩnh vực tâm lý học giáo dục.

3.2.7. Có phẩm chất nhân cách tốt, đạo đức nghề nghiệp cao đẹp và lý tưởng nghề nghiệp trong sáng.

3.2.8. Có năng lực tiến hành tổ chức các hoạt động về nghiệp vụ tâm lý học, giảng dạy kỹ năng sống, giáo dục trải nghiệm – hướng nghiệp, giáo dục giới tính tại các trường học theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

3.2.9. Có năng lực giảng dạy các học phần tâm lý học, giáo dục học, kỹ năng giao tiếp, giáo dục kỹ năng sống ở các trường trung cấp, cao đẳng và đáp ứng đủ yêu cầu để tham gia các ở các bậc đào tạo cao hơn về chuyên ngành.

## **4. Thông tin tuyển sinh**

### **4.1. Đối tượng tuyển sinh**

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT;

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển khi được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

**4.2. Phạm vi tuyển sinh:** Cả nước

### **4.3. Phương thức tuyển sinh**

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia.
- Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ).
- Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8).
- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2023 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

## **5. Điều kiện nhập học**

Người học nộp các giấy tờ, hồ sơ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận người học là sinh viên chính thức của trường.

## **6. Điều kiện tốt nghiệp**

Người học được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức độ đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên;
- Có giấy chứng nhận Giáo dục quốc phòng - An ninh và giấy chứng nhận Giáo dục thể chất;
- Có chứng chỉ Ngoại ngữ và chứng chỉ Tin học theo quy định của Nhà trường;



- Phải tham gia ít nhất 8 ngày công tác xã hội;
- Trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, sinh viên phải làm đơn gửi Phòng đào tạo để đề nghị được xét tốt nghiệp;
- Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp vào tháng 2, tháng 6, tháng 8 và tháng 11. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các quy định về điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách trình Hội đồng xét tốt nghiệp và đề nghị Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Lễ tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 7 và tháng 1.

### **7. Cơ hội việc làm**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Tâm lý học giáo dục có các cơ hội việc làm sau:

- Tư vấn tâm lý học đường, hướng nghiệp tại các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Chuyên viên đánh giá tâm lý và can thiệp một số rối loạn tâm lý, nhân viên các dự án chăm sóc sức khỏe tâm thần, phát triển cộng đồng làm việc trong các trung tâm can thiệp tâm lý, bệnh viện, Viện sức khỏe tâm thần của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục cho học sinh tại các trường phổ thông.
- Phụ trách công tác giáo dục trẻ em, thanh thiếu niên trong tổ chức cung ứng các dịch vụ giáo dục, giáo dục kỹ năng sống cho cộng đồng.
- Phụ trách công tác nghiên cứu phát triển xã hội làm việc tại các tổ chức xã hội, các trung tâm bảo trợ các vấn đề xã hội.
- Giảng dạy Tâm lý học và một số chuyên đề có liên quan tại các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.
- Nghiên cứu Tâm lý học, Giáo dục học, Khoa học tổ chức, quản lý nhân sự... ở các Viện nghiên cứu.

### **8. Thời điểm phát hành bản mô tả:**

Thời điểm phát hành bản mô tả: tháng 04 năm 2023

### **9. Nơi phát hành:** Trường Đại học Đồng Tháp

**PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

<b>CHUẨN ĐẦU RA</b>	<b>Đánh giá mức độ năng lực</b>
<b>1. Kiến thức</b>	
1.1. Vận dụng hệ thống kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất để thực hiện tốt những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.	<b>3</b>
1.2. Vận dụng kiến thức về khoa học xã hội, tin học và ngoại ngữ vào giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ học tập và nghề nghiệp của lĩnh vực Tâm lý học giáo dục.	<b>3</b>
1.3. Phân tích được nguồn gốc, bản chất, quy luật vận động của các hiện tượng tâm lý trong lĩnh vực giáo dục và cộng đồng xã hội bằng hệ thống các kiến thức chuyên ngành; các rối loạn tâm lý của cá nhân – nhóm học sinh và các đối tượng khác trong cộng đồng – xã hội; các vấn đề tâm lý tiêu cực và tích cực nảy sinh trong môi trường giáo dục bằng hệ thống các kiến thức chuyên ngành	<b>4</b>
1.4. Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để tư vấn, tham vấn cho việc thiết kế, xây dựng chương trình hoạt động của tổ Hỗ trợ, giúp đỡ học sinh, Phòng Tư vấn tâm lý học đường trong môi trường giáo dục.	<b>3</b>
1.5. Phân tích được các hình thức, cấu trúc, quy trình tiến hành, kỹ thuật đánh giá kết quả của các công cụ tâm lý học, của các chương trình can thiệp tâm lý căn bản và vai trò của chúng trong việc đo lường, chẩn đoán và can thiệp các hiện tượng tâm lý của cá nhân và nhóm trong môi trường giáo dục	<b>4</b>
<b>2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức</b>	
<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>	
2.1. Chuẩn xác phát hiện các vấn đề tâm lý (tích cực và tiêu cực) nảy sinh trong môi trường giáo dục	<b>3</b>
2.2. Chuẩn xác tiến hành lựa chọn và sử dụng các công cụ tâm lý để đo lường, chẩn đoán các mức độ phát triển của các chức năng tâm lý của các đối tượng khác nhau trong môi trường giáo dục; kỹ năng tham vấn, tư vấn và can thiệp đối với các khó khăn tâm lý mà học sinh gặp phải; thiết kế kế hoạch hoạt động của phòng tư vấn tâm lý học đường và các hoạt động nghiệp vụ khác; tham vấn, tư vấn, báo cáo chuyên đề về tâm lý học giáo dục cho cha- mẹ học sinh, giáo viên, lực lượng quản lý giáo dục và các lực lượng giáo dục có liên quan	<b>3</b>
2.3. Chuẩn xác trong việc phối hợp với giáo viên hoặc phụ trách hướng dẫn, giảng dạy các lĩnh vực về Giáo dục kỹ năng sống, Giáo dục hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp, Giáo dục giới tính; chuẩn xác trong giảng dạy các học phần tâm lý học, giáo dục học, kỹ năng giao tiếp; chuẩn xác phối hợp các nguồn lực, lực lượng trong và ngoài môi trường giáo dục để hỗ trợ, giúp đỡ nhằm tạo điều kiện thuận lợi để chăm sóc sức khỏe tâm thần cho học sinh	<b>3</b>
<i>Kỹ năng mềm</i>	
2.4. Chuẩn xác nhận thức và đánh giá bản thân, quản lý cảm xúc, giải quyết các vấn đề nảy sinh kịp thời, quản lý thời gian hiệu quả và xác định mục tiêu hợp lý trong quá trình học tập và hoạt động nghề nghiệp; chuẩn xác trong giao tiếp và ứng xử, trong quá trình làm việc nhóm, trong phân biệt những vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ	<b>3</b>
<i>Phẩm chất đạo đức</i>	
2.5. Tổ chức công việc theo các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	<b>4</b>
<b>3. Mức tự chủ và trách nhiệm</b>	
3.1. Đánh giá được mức độ làm việc độc lập, làm việc nhóm và thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường	<b>4</b>
3.2. Tổ chức độc lập các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, tự học, tự nghiên cứu, tự nâng cao, phát triển nghiệp vụ và tự chịu trách nhiệm về kết quả của hoạt động nghề nghiệp trước cơ quan quản lý trực tiếp và trước pháp luật	<b>4</b>

**PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 134, trong đó:**

- Khối kiến thức đại cương: 40TC
- + Bắt buộc: 33TC
- + Tự chọn: 7 TC
- Khối kiến thức chuyên nghiệp: 94 TC
- + Kiến thức cơ sở ngành: 40 TC (Bắt buộc 26 TC; Tự chọn 14 TC)
- + Kiến thức chuyên ngành: 42 TC (Bắt buộc 27 TC; Tự chọn 15 TC)
- + Kiến thức bổ trợ: 2 TC
- + Thực hành tế, thực tập nghề nghiệp: 10 TC

**1. Khung chương trình đào tạo chi tiết**

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GIỜ TÍN CHỈ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIỀN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			39						
I. Ngoại ngữ			5	75	0				
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3	45	0				1
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2	30	0		GE4410		2
II. Giáo dục quốc phòng			11	93	72				
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0				1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2	30	0		GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4	4	56		GE4165		4
III. Giáo dục thể chất			3						
1. Học phần bắt buộc			2	0	60				
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1	0	30				1
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	1	0	30		GE4306		2
2. Học phần tự chọn			1	0	30				
1	GE4335	Bóng đá	1	0	30		GE4306		3
2	GE4336	Bóng chuyền	1	0	30		GE4306		3
3	GE4337	Cầu lông	1	0	30		GE4306		3
4	GE4338	Võ thuật Vovinam	1	0	30		GE4306		3

5	GE4339	Võ thuật Karatedo	1	0	30		GE4306		3
6	GE4340	Cờ vua	1	0	30		GE4306		3
7	GE4341	Bóng bàn	1	0	30		GE4306		3
8	GE4342	Bóng ném	1	0	30		GE4306		3
9	GE4343	Bóng rổ	1	0	30		GE4306		3
10	GE4344	Tennis (Quần vợt)	1	0	30		GE4306		3
11	GE4345	Đá cầu	1	0	30		GE4306		3
IV. Đại cương chung			20						
1. Đại cương chung bắt buộc			16	160	80				
1	GE4091	Triết học Mác – Lênin	3	25	20				1
2	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	15	15		GE4091		2
3	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		GE4092		3
4	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học (mới chỉnh sửa 11.05.2023)	2	15	15		GE4092		3
5	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	15	15		GE4093		4
6	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	0				1
7	EP4001	Phương pháp học tập ngành Tâm lý học giáo dục	3	30	15				1
2. Đại cương chung tự chọn			4						
1	HI4011	Nhân học đại cương	2	20	10				1
2	GE4003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0				1
3	GE4028	Logic học đại cương	2	30	0				1
4	EP4002	Dân tộc học ứng dụng trong giáo dục	2	20	10				1
5	GE4030	Mỹ học đại cương	2	15	15				1
6	GE4049	Tiếng Việt thực hành	2	25	05				1
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			95						
I. Kiến thức cơ sở ngành			31						
1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			19	185	160				
1	BI4204N	Sinh lý thần kinh cấp cao	2	25	20				2
2	EP4003	Lịch sử Tâm lý học và Giáo dục học	2	30	15				2

3	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	15	15				1
4	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	25	20				1
5	EP4004	Tâm lý học phát triển	2	20	10				3
6	EP4040	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	15				3
7	GE4074N	Giáo dục học mầm non	2	15	15				2
8	EP4006	Giáo dục học phổ thông	2	15	15				2
9	EP4007	Tâm bệnh học	3	15	30				3
2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			12						
1	EP4008	Nhập môn công nghệ giáo dục	2	15	30				4
2	EM4002	Xã hội học giáo dục	2	20	10				4
3	EM4004	Kinh tế học giáo dục	2	15	15				4
4	EP4009	Kỹ năng tư duy phản biện và tư duy sáng tạo	2	15	15				4
5	EP4010	Đánh giá trong giáo dục	2	10	20				4
6	EP4011	Giáo dục cộng đồng	2	15	15				5
7	EP4012	Tâm lý học lao động	2	15	30				6
8	EP4013	Kỹ năng tạo động lực làm việc	2	10	20				4
9	EP4014	Kỹ năng thương thuyết	2	10	20				5
II. Kiến thức chuyên ngành			40						
1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			25	155	220				
1	EP4015	Tâm lý học nhân cách	2	10	20				5
2	EP4016	Tâm lý học xã hội	2	15	15				5
3	EP4017	Tâm lý học giao tiếp	3	15	30				5
4	EP4018	Tâm lý học giáo dục	3	25	20				5
5	EP4019	Đo lường và chẩn đoán trong Tâm lý học	3	15	30				5
6	EP4020	Các kỹ năng tham vấn tâm lý căn bản	2	10	20				5
7	EP4021	Khoa học quản lý hành vi học sinh	3	25	20				6
8	EP4022	Giáo dục gia đình	2	10	20				6
9	EP4023	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống	3	15	30				6

10	EP4024	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên	2	15	15				6
2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn một hoặc nhiều định hướng đủ 15TC)			15						
Định hướng 1. Nghiên cứu tâm lý giáo dục			15						
1	EP4025	Phương pháp nghiên cứu khoa học tâm lý học giáo dục	4	30	30				6
2	EP4026	Thống kê trong nghiên cứu khoa học	4	30	30				6
3	EP4027	Tâm lý học trí tuệ	3	20	25				7
4	EP4038	Thực hành nghiên cứu tâm lý học giáo dục	4	00	60				
Định hướng 2. Giảng dạy tâm lý giáo dục			15						
1	EP4028	Lý luận dạy học Tâm lý học	3	15	30				6
2	EP4029	Lý luận dạy học Giáo dục học	3	15	30				7
3	EP4030	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Tâm lý học, Giáo dục học	2	20	10				7
4	EP4031	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông	3	15	30				7
5	EP4032	Giáo dục chuyên biệt	4	30	30				8
Định hướng 3. Tham vấn, trị liệu tâm lý			15						
1	EP4033	Tâm lý học lâm sàng	3	10	35				6
2	EP4034	Các khó khăn tâm lý của học sinh và một số biện pháp can thiệp	3	15	30				7
3	EP4035	Tham vấn tâm lý học đường	4	20	40				7
4	EP4036	Tham vấn hôn nhân và gia đình	2	15	15				7
5	EP4037	Tham vấn rối nhiễu tâm lý trong xã hội hiện đại	3	15	30				7
III. Kiến thức bổ trợ			2	10	20				
1	EP4005	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học giáo dục	2	10	20				6
IV. Thực hành, thực tập nghề nghiệp			16	0	150				
1	EP4401	Thực tế chuyên môn	2	0	30				5
2	EP4491	Thực tập cơ sở	6	0	90				7
3	EP4407	Thực tập tốt nghiệp	8	0	120				8

V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			6													
Khóa luận tốt nghiệp			6													
1. Khóa luận tốt nghiệp			6													8
2. Học phần thay thế khóa luận			6													
1.	EP4039	TLH sáng tạo	2	15	15											8
2	EP4041	TLH khác biệt	2	15	15											8
3	EP4042	Quản trị nhân sự	2	15	15											8
Tổng số tín chỉ tích lũy			134													

**2. Ma trận các học phần hình thành năng lực**

Gồm: kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo chuẩn đầu ra của CTĐT

TT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức								Mức tự chủ và trách nhiệm		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	TC1	TC2	TC3
<b>A. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>																	
<b>I. Ngoại ngữ</b>																	
1	Tiếng Anh 1	3					4									4	
2	Tiếng Anh 2	3					4									4	
<b>II. Giáo dục quốc phòng</b>																	
1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3					4										
2	Công tác quốc phòng, an ninh	3					4										
3	Quân sự chung	3					4										
4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	3					4										
<b>III. Giáo dục thể chất</b>																	
<b>1. Học phần bắt buộc</b>																	
1	Giáo dục thể chất 1	3						3								4	
2	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	3						3								4	
<b>2. Học phần tự chọn</b>																	
1	Bóng đá	3						3								4	

TT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA														
		Kiến thức					Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức								Mức tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	TC1	TC2
2	Bóng chuyền	3						3						4		
3	Cầu lông	3						3						4		
4	Võ thuật Vovinam	3						3						4		
5	Võ thuật Karatedo	3						3						4		
6	Cờ vua	3						3						4		
7	Bóng bàn	3						3						4		
8	Bóng ném	3						3						4		
9	Bóng rổ	3						3						4		
10	Tennis (Quần vợt)	3						3						4		
11	Đá cầu	3						3						4		
<b>IV. Đại cương chung</b>																
<b>1. Đại cương chung bắt buộc</b>																
1	Triết học Mác-Lênin	3						3						4		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3						3						4		
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3						3						4		
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3						3						4	4	
5	Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam	4	3				3						4		5	
6	Pháp luật Việt Nam đại cương			4			3					3		3	4	
7	Phương pháp học tập ngành Tâm lý học giáo dục		3	3	3		3	3	3					4		
<b>2. Đại cương chung tự chọn</b>																
1	Nhân học đại cương	2	2	2			2	3	2	3				3	2	2
2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3							3					4		
3	Logic học đại cương	3							3					4		
4	Dân tộc học ứng dụng trong giáo dục	2	2	2			3	3	2	3				3	2	2



TT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA														
		Kiến thức					Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức								Mức tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	TC1	TC2
5	Mỹ học đại cương	3						3						4		
6	Tiếng Việt thực hành	3						3						4		
<b>B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>																
<b>I. Kiến thức cơ sở ngành</b>																
<b>1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</b>																
1	Sinh lý thần kinh cấp cao	4	4				3	4						4	3	
2	Lịch sử Tâm lý học và giáo dục học	2	3	5	4		3	3						3	5	
3	Giáo dục học đại cương	3					3							3	3	3
4	Tâm lý học đại cương	2	4	3	3	3	3	3						3	5	
5	Tâm lý học phát triển	2	3	4			3	3						3	5	
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học			4	4				4	4					3	
7	Giáo dục học mầm non		3					6							5	
8	Giáo dục học phổ thông				5	5			4						3	
9	Tâm bệnh học	3	4	4	4		3	3	3					4	4	
<b>2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</b>																
1	Nhập môn công nghệ giáo dục	2	4	3	3		3	3	3					4	4	
2	Xã hội học giáo dục			3			3							3		
3	Kinh tế học giáo dục	3	3				4	3						4		
4	Kỹ năng tư duy phân biện và tư duy sáng tạo		3	3						4				3		
5	Đánh giá trong giáo dục		3			4		3							4	4
7	Giáo dục cộng đồng	2	3	3	3		3	3	2	3				2	2	
8	Tâm lý học lao động	2	4	5	5		3	3						3	5	
9	Kỹ năng tạo động lực làm việc			4			3	3							5	

TT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức								Mức tự chủ và trách nhiệm		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	TC1	TC2	TC3
9	Kỹ năng thương thuyết		3	3					4						3		
<b>II. Kiến thức chuyên ngành</b>																	
<b>1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</b>																	
1	Tâm lý học nhân cách	2	4	4	3	3	3	3						3	4		
2	Tâm lý học xã hội	2	4				3	3	3					4			
3	Tâm lý học giao tiếp	2	4	3	5	5	3	3	3	1	3	3	5	5	2	3	3
4	Tâm lý học giáo dục	2	3	4			3	3						3	5		
5	Đo lường và chẩn đoán trong Tâm lý học	3	4	4	4		3	3	3					4	4		
6	Các kỹ năng tham vấn tâm lý căn bản			4	3			3			4			4	4		
7	Khoa học quản lý hành vi học sinh	2	3	4			3	3						3	5		
8	Giáo dục gia đình	2	2	4	4	5	3	4	5					3	4		
9	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống		3						3					4	4		
10	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên	3	3				3	3	2					3	3		
<b>2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn một hoặc nhiều định hướng đủ 15 TC)</b>																	
<b>2.2.. Định hướng 1. Nghiên cứu tâm lý giáo dục</b>																	
1	Phương pháp nghiên cứu Khoa học Tâm lý học giáo dục	2	3	4			3	3						3	5		
2	Thống kê trong nghiên cứu khoa học	2					3	4						4	4		
3	Tâm lý học trí tuệ	2	3	4			3	3						3	5		
<b>Định hướng 2. Giảng dạy Tâm lý - Giáo dục</b>																	
1	Lý luận dạy học Tâm lý học	3					3	3						4	4	4	
2	Lý luận dạy học Giáo dục học			4					3	3				4	4		
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy	3							3					4			

TT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA														
		Kiến thức					Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức								Mức tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	TC1	TC2
	học Tâm lý học, Giáo dục học															
4	Tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông		3	3	3			5								4
5	Giáo dục chuyên biệt			4				3		4				4	4	
<b>Định hướng 3. Tham vấn, trị liệu tâm lý</b>																
1	Tâm lý học lâm sàng	2	4	3	6		3	3						3	4	
2	Các khó khăn tâm lý của học sinh và một số biện pháp can thiệp	2	3	4			3	3						3	5	
3	Tham vấn tâm lý học đường	2	3	4			3	3						3	5	
4	Tham vấn hôn nhân và gia đình	2	3	4			3	3						3	4	5
5	Tham vấn rối nhiễu tâm lý trong xã hội hiện đại	2	3	4			3	3						3	5	
<b>III. Kiến thức bổ trợ</b>																
1	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học giáo dục	3	3	2	5		3	3						3	5	
<b>IV. Thực hành, thực tập nghề nghiệp</b>																
1	Thực tế chuyên môn															
2	Thực tập cơ sở															
3	Thực tập tốt nghiệp															
<b>V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế</b>																
<b>1. Khóa luận tốt nghiệp</b>																
1	Khóa luận tốt nghiệp															
<b>2. Học phần thay thế khóa luận</b>																
1	Tâm lý học sáng tạo	2	4	4	4		3	4						3	5	
2	Tâm lý học khác biệt	2	3	4			3	3						3	5	
3	Quản trị nhân sự	4	3	4			2	4	5	6				5	3	

#### 4. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy

##### 4.1. Hình thức đào tạo: Chính quy

##### 4.2. Phương pháp giảng dạy

Kết hợp đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập, phù hợp với nội dung học phần và hướng đến sự cập nhật và hiện đại.

Tích cực hóa người học, phát huy tính năng động, sáng tạo, tăng cường việc tự học, tự nghiên cứu những nội dung mở rộng trong học phần dưới sự định hướng của giảng viên. Áp dụng những phương pháp dạy học phát triển toàn diện năng lực, lấy người học làm trung tâm.

Tích cực hóa người học và nâng cao hiệu quả các hoạt động thực hành, rèn luyện.

Phát triển năng lực nghề nghiệp theo hướng phát triển kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

#### 5. Cách thức đánh giá kết quả học tập

- Cách thức đánh giá được thực hiện theo Quyết định số 2293/QĐ-ĐHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp, trong đó:

+ Điểm đánh giá quá trình (có trọng số từ 40% - 50%) và điểm thi kết thúc học phần (có trọng số từ 50% - 60%) được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần là tổng điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng.

+ Điểm học phần sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại đạt:	A	(8.50 – 10)	Giỏi
	B	(7.00 – 8.40)	Khá
	C	(5.50 – 6.90)	Trung bình
	D	(4.00 – 5.40)	Trung bình yếu
Loại không đạt:	F	(dưới 4.0)	Kém

Để được xếp loại D trở lên thì điểm thi kết thúc học phần không được dưới 3.00 (thang điểm 10).

- Về cách thức đánh giá kết quả học tập, các học phần trong chương trình đào tạo thực hiện đa dạng các hình thức đánh giá như vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm khách quan, bài tập lớn. Mục tiêu của việc đa dạng các hình thức đánh giá nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng, đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy cho người học.

### **6.3. Cơ sở vật chất phục vụ dạy học**

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo (Xin xem Phụ lục 1)
- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo (Xin xem phụ lục 2)

### **7. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo**

- Chương trình đào tạo này áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023 trở đi.
- Tỷ lệ giờ lý thuyết (bài tập, thảo luận), thực hành, thí nghiệm, tự học được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Đề cương chi tiết học phần là cơ sở để giảng viên, sinh viên thực hiện đầy đủ các nội dung của học phần.
- Việc phân kỳ trong chương trình đào tạo là cơ sở để bộ môn lập kế hoạch dạy học cụ thể của từng học kỳ, phòng Đào tạo có trách nhiệm mở các lớp học phần cho sinh viên đăng ký.
- Các học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục Thể chất không chuyên, Kiến tập sư phạm, Thực tập tốt nghiệp được tổ chức dạy và học theo quy định riêng.
- Việc tổ chức dạy và học được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy sửa đổi ban hành theo Quyết định 1465/QĐ-ĐHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp ban hành theo Quyết định số 2293/QĐ-ĐHĐT ngày 16/ 10/ 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

**Phụ lục 1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo**

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giảng viên cơ hữu</b>					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	1.377,35			
-	Hội trường	01	930,35	Giáo dục quốc phòng; Đại cương chung	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	
-	Phòng học lớn trên 200 chỗ	01	447,00	Giáo dục quốc phòng; Đại cương chung	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	2.052,37	Giáo dục quốc phòng; Đại cương chung	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	28	3.724,38	Tất cả các học phần chuyên ngành.	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2 Học kỳ 1, 2 năm 3 Học kỳ 1, 2 năm 4	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	59	6.176,32	Tất cả các học phần chuyên ngành.	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2 Học kỳ 1, 2 năm 3 Học kỳ 1, 2 năm 4	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	05	1.092,00	Ngoại ngữ	Học kỳ 1, 2 năm 1	
1.6	Các phòng chức năng (Phòng làm việc, bộ môn, phòng họp)	124	9.633,08	Các học phần chuyên ngành	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2 Học kỳ 1, 2 năm 3 Học kỳ 1, 2 năm 4	

2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	2.087,88	Tất cả các học phần (giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp)	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2 Học kỳ 1, 2 năm 3 Học kỳ 1, 2 năm 4	
3	Trung tâm nghiên cứu, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	70	27.285,88			
3.1	Phòng bộ môn rèn luyện nghiệp vụ	01	139,1	- Tất cả các học phần chuyên ngành và các học phần rèn luyện nghiệp vụ. - Họp, sinh hoạt chuyên môn của các giảng viên ngành TLHGD.	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2 Học kỳ 1, 2 năm 3 Học kỳ 1, 2 năm 4	
3.2	Nhà đa năng	1	2.472,65	Phục vụ các môn học Thể chất 1, 2 và các hoạt động thể thao rèn luyện sức khỏe	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2 Học kỳ 1, 2 năm 3 Học kỳ 1, 2 năm 4	
3.3	Nơi tập luyện thể dục thể thao, vui chơi giải trí (sân bóng chuyền, bóng đá, tennis, hồ bơi,...)	18	17.071,30	Phục vụ các môn học Thể chất 1, 2 và các hoạt động thể thao rèn luyện sức khỏe	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2 Học kỳ 1, 2 năm 3 Học kỳ 1, 2 năm 4	

**Phụ lục 2. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập**

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>1</b>	<b>Hội trường</b>							
	- Máy chiếu	- Trung Quốc	1	Cái	Giáo dục quốc phòng; Đại cương chung	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2, năm 2	Phục vụ chung cho tất cả SV	
	- Power mixer	- Trung Quốc	1					
	- Amply cho hệ thống Full và Subwoofer	- Hàn Quốc	2					
	- Amply cho hệ thống Monitor		1					
	- Equalizer bộ lọc chống nhiễu	- Hàn Quốc	2					
	- Bộ chia giải tầng	- Việt Nam	1					
	- Effect bộ tạo hiệu quả âm thanh	- Trung Quốc	1					
	- Loa Monitor	- Ma-lai-xi-a	2					
	- Loa Full		2					
	- Loa subwoofer	- Trung Quốc	2					
	- Máy điều hòa nhiệt độ	- Trung Quốc	10					
	- Hộp cáp nối tín hiệu MSB 20,4/30	- Trung Quốc	1					
	- Tủ đựng dụng cụ	- Việt Nam	1					
	- Bục để tư ng Bác Hồ	- Việt Nam	1					
	- Đèn moving head Beam 230		2					
	- Máy vi tính	- Việt Nam	1					
	- Bộ phận phân loại và truyền tín hiệu	- Việt Nam	1					
	- Bộ điều khiển xử lý hình ảnh chuyên dụng	- Trung Quốc	1					
- Màn hình Inno led P4	- Trung Quốc	1						
- Phần mềm Led chuyên dụng	- Trung Quốc	1						
- Đèn Movinghead	- Trung Quốc	3						



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Micro không dây</li> <li>- Màn hình cảm ứng liền đầu</li> <li>- Ghế hội trường</li> <li>- Bàn đại biểu</li> <li>- Ghế đại biểu</li> <li>- Par Led</li> <li>- Đèn Par led</li> <li>- Bàn điều khiển ánh sáng</li> <li>- Micro để bàn</li> <li>- Máy khởi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Trung Quốc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>6</li> <li>1</li> <li>352</li> <li>6</li> <li>12</li> <li>12</li> <li>16</li> <li>2</li> <li>2</li> <li>1</li> <li></li> <li></li> <li></li> <li></li> </ul>						
	<b>Giảng đường lớn</b>								
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ampli</li> <li>- Loa thùng</li> <li>- Micro không dây cầm tay</li> <li>- Máy điều hòa nhiệt độ</li> <li>- Màn chiếu treo tường</li> <li>- Micro không dây kèm bộ thu Micro cầm tay không dây, Micro cài ve áo, bộ thu T-521UP</li> <li>- Máy chiếu Sony</li> <li>- Màn chiếu điện</li> <li>- Bảng led</li> <li>- Máy chiếu</li> <li>- Màn chiếu điện</li> <li>- Máy vi tính xách tay</li> <li>- Bảng trang trí</li> <li>- Màn hình Led P414</li> <li>- Bàn hội trường</li> <li>- Ghế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1</li> <li>4</li> <li>4</li> <li>6</li> <li>1</li> <li>1</li> <li>1</li> <li>1</li> <li>1</li> <li>1</li> <li>1</li> <li>1</li> <li>1</li> <li>1</li> <li>1</li> <li>6</li> <li>256</li> </ul>	Cái	Giáo dục quốc phòng; Đại cương chung	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Phục vụ chung cho tất cả SV (riêng ghế ngồi 1 cái/sv)		

3	<b>Phòng học, giảng đường khác</b>						
	Máy chiếu	- Trung Quốc	50	Cái	Tất cả các học phần	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2 Học kỳ 1, 2 năm 3 Học kỳ 1, 2 năm 4	Sử dụng chung, riêng ghế 1 cái/SV
	Màn hình tương tác	- Trung Quốc	52				
	Màn hình hiển thị	- Trung Quốc	13				
	Tivi	- Việt Nam	2				
	Bàn học sinh	- Việt Nam	1.664				
	Ghế học sinh	- Việt Nam	2.036				
	Bàn học sinh 2 chỗ	- Việt Nam	366				
Bàn giáo viên + Ghế	- Việt Nam	74					
4	<b>Phòng học trực tuyến</b>						
	- Camera trực tuyến	- Đài Loan	1	Cái	Tất cả các học phần cần dạy trực tuyến	Học kỳ 1,2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2 Học kỳ 1, 2 năm 3 Học kỳ 1, 2 năm 4	Sử dụng chung
	- Máy vi tính	- Việt Nam	1				
	- Amply	- In-đô-nê-xi-a	1				
	- Micro không dây	- In-đô-nê-xi-a	1				
	UPS		1				
	- Bàn giáo viên Hòa Phát HR-120CS	- Trung Quốc	1				
	- Ghế giáo viên Hòa Phát G2	- Việt Nam	1				
- Amply	- Việt Nam - In-đô-nê-xi-a	1					
5	<b>Phòng học ngoại ngữ</b>						
	- Máy vi tính xách tay	- Trung Quốc	155	Cái, bộ	Học phần ngoại ngữ	Học kỳ 1, 2 năm 1	Sử dụng cá nhân hoặc nhóm.
	- Máy vi tính để bàn	- Việt Nam	49				
	- Tủ xạc cho 36 Laptop	- Trung Quốc	5				
	- Màn hình LED tương tác	- Trung Quốc	25				
	- Auto Tracking Camera	- Trung Quốc	5				
	- Máy quay phim	- Trung Quốc	4				
	- Camera giám sát và Đầu ghi hình	- Trung Quốc	3				
	- Bảng trượt ngang 3 lớp		6				
	- Bảng từ Hàn Quốc 2 lớp	- Việt Nam	5				
	- Bục giảng thông minh	- Việt Nam	5				
	- Hệ thống âm thanh	- Đài Loan	7				
- Hệ thống tương tác kiểm tra đánh giá	- In-đô-nê-xi-a	3					

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chiếu</li> <li>- Máy thu vật thể</li> <li>- Micro cài áo</li> <li>- Phần mềm phiên bản học viên</li> <li>- Phần mềm điều khiển hệ thống phòng học ngoại ngữ thông minh dành cho học viên</li> <li>- Phần mềm điều khiển hệ thống phòng Lab ngoại ngữ</li> <li>- Phần mềm Homework dành cho học viên và giáo viên làm việc tại nhà Smartclass</li> <li>- Phần mềm SmartElearning</li> <li>- Bàn chuyên dùng cho giáo viên</li> <li>- Bàn giáo viên Hòa Phát HR-120CS</li> <li>- Bàn học sinh</li> <li>- Bàn học viên</li> <li>- Bộ phần mềm Let's Talk English A1, A2, B1, B2</li> <li>- Bộ tai nghe và Micro chuyên dụng</li> <li>- Ghế xoay cho học viên</li> <li>- Ghế xếp học sinh</li> <li>- Máy ghi âm kỹ thuật số</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Canada</li> <li>- Việt Nam</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>3</li> <li>4</li> <li>1</li> <li>150</li> <li>42</li> <li>1</li> <li>43</li> <li>1</li> <li>5</li> <li>3</li> <li>60</li> <li>150</li> <li>155</li> <li>199</li> <li>150</li> <li>112</li> <li>3</li> </ul>						
6	<b>Phòng thực hành máy tính</b>								
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy vi tính để bàn</li> <li>- Switch Cisco</li> <li>- Cisco</li> <li>- Máy vi tính server</li> <li>- Bộ lưu điện UPS</li> <li>- Máy vi tính</li> <li>- Máy chiếu</li> <li>- Máy điều hòa nhiệt độ</li> <li>- Bộ chuyển mạch mạng</li> <li>- Phần mềm bản quyền</li> <li>- Switch</li> <li>- Bàn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Việt Nam</li> <li>- Trung Quốc; Việt Nam, Singapore,...</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Trung Quốc; Việt Nam, Thái Lan,...</li> <li>- Trung Quốc</li> <li>- Việt Nam, Itali</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1</li> <li>2</li> <li>2</li> <li>1</li> <li>1</li> <li>646</li> <li>16</li> <li>22</li> <li>2</li> <li>2</li> <li>2</li> <li>300</li> </ul>	Cái, bộ	SV cần tra cứu thông tin, thực hành các kiến thức tin học hỗ trợ cho việc thi lấy chứng chỉ tin học làm điều kiện xét tốt nghiệp	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2 Học kỳ 1, 2 năm 3 Học kỳ 1, 2 năm 4	Sử dụng cá nhân, nhóm		

	- Ghế - Tai nghe	- Trung Quốc,	600 369					
7	<b>Phòng bộ môn</b>							
	- Bàn giáo viên		1	Cái, bộ	- Tất cả các học phần chuyên ngành - Họp, sinh hoạt chuyên môn của các giảng viên	Học kỳ 1, 2 năm 1	Sử dụng chung. Riêng ghế 1 cái/SV	
	- Ghế giáo viên		1			Học kỳ 1, 2 năm 2		
	- Tivi tích hợp máy chiếu		1			Học kỳ 1, 2 năm 3		
	- Ghế liền bàn cho sinh viên		60			Học kỳ 1, 2 năm 4		
	- Máy điều hòa		2					
	- Máy quạt		3					
	- Tủ		2					
	- Bảng nội quy		1					
	- Hệ thống chiếu sáng, hệ thống âm thanh		1					
- Bàn		1						
- Ghế		1						